

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST  
Ngày: 09-6-2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hải.

Ông Bùi Tấn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Hùng Tr1, sinh ngày 01 tháng 4 năm 1993 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm MNM, phường AT, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Không (tại phiên tòa khai: Làm thuê); Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hùng C và bà Lê Thị Tuyết M1; Chung sống như vợ chồng với Huỳnh Ngô Trúc M2 và có 03 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 17 tháng 3 năm 2010, bị Tòa án nhân dân thị xã HN (nay là thành phố HN), xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 01 tháng 4 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thị xã HN (nay là thành phố HN), xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 24 tháng 02 năm 2017, bị Tòa án nhân dân thị xã HN (nay là thành phố HN), xử phạt 02 năm

tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 03 tháng 9 năm 2018; Bắt tạm giam: Ngày 08 tháng 02 năm 2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

- 1/ Lê Văn O, sinh năm 1969; Vắng mặt
- 2/ Lê Thị N1, sinh năm 1968; Vắng mặt
- 3/ Nguyễn Văn N2, sinh năm 1985; Vắng mặt
- 4/ Phan Thị G, sinh năm 1990; Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp PLA, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- 1/ Trần Trường T1 (còn có tên khác là Ba Đ), sinh năm 1998; Vắng mặt
- 2/ Trần Văn H1, sinh năm 1999; Vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Khóm AP, phường ABA, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

*Người làm chứng:* Bùi Tấn L1 (còn có tên khác là B), Võ Văn H2, Võ Văn T2, Lê Văn Tr2, Chheng S (còn có tên khác là Trần Thanh O, Trần Thanh N2), Hồ Văn K, Võ Văn Tr3, Trần Minh Ph1, Nguyễn Văn Hoài T3, Đoàn Thị L2, Nguyễn Hốc M3, Lê Phương Tr4 (còn có tên khác là Tr4 N3), Phan Thanh Ph2. Tất cả đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021 Công an xã PTB, tiếp nhận 02 nguồn tin về tội phạm, cụ thể như sau:

Vào khoảng 08 giờ 45 phút ngày 15 tháng 8 năm 2021, ông Nguyễn Văn N2 đến Công an xã PTB trình báo bị mất trộm 01 chiếc tắc ráng, loại composite, màu xanh có đặt máy nổ hiệu Kawamoto của gia đình, đang neo đậu với sông thuộc ấp PLA, xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Đến khoảng 21 giờ 45 phút ngày 26 tháng 10 năm 2021, Lê Văn Tr2 đến Công an xã PTB trình báo, như sau: Lê Văn O và Lê Thị N1 (cha và mẹ của anh Tr2) đang ngủ giữ cá trên bè thì phát hiện có Nguyễn Hùng Tr1 (sau này mới biết tên) đang bơi chiếc tắc ráng của gia đình, di chuyển ra khỏi nơi neo đậu. Lúc này, ông O gọi Nguyễn Hùng Tr1 quay lại, nhưng Tr1 không quay lại và khởi động

máy (để tẩu thoát) nhiều lần nhưng không khởi động được. Ông O dọa nhờ người bao vây bắt, nên Tr1 quay lại và Tr1 bị ông O bắt giữ và trình báo Công an xã PTB. Qua làm việc Tr1 không thừa nhận hành vi lấy trộm chiếc tắc rắng và máy xăng nêu trên, cho rằng đến bè cá câu cá, thấy tắc rắng trôi nên buộc lại dùm.

Xét thấy, có dấu hiệu của tội phạm, nên Công an xã PTB chuyển tất cả hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HN để điều tra theo thẩm quyền.

*Vật chứng thu giữ:*

- 01 (một) chiếc tắc rắng, loại composite, có chiều dài 6,7 mét, rộng 0,95 mét, màu sơn trắng-xanh-đỏ, hai bên tắc rắng có dòng chữ TPC-KG Composite; phía trước bên mũi tắc rắng có chữ “HT” trắng-đỏ (đã qua sử dụng); 01 (một) máy nổ (máy xăng) nhãn hiệu Mitsubishi 7.5HP, màu đỏ-đen, máy gắn liền với cần điều khiển bằng kim loại (đã qua sử dụng), là tài sản bị mất trộm của bị hại Lê Văn O và Lê Thị N1.

- 01 (một) chiếc tắc rắng, loại Composite, có chiều dài 5,4 mét, rộng 0,85 mét, màu sơn xanh, đã qua sử dụng, mua vào với giá: 3.500.000 đồng; 01 (một) máy nổ nhãn hiệu Kawamoto, màu trắng - đen - đỏ (đã qua sử dụng), là tài sản bị mất trộm của bị hại Nguyễn Văn N2 và Phan Thị G.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Cơ quan điều tra ra Quyết định trả lại các bị hại Lê Văn O, Lê Thị N1, Nguyễn Văn N2 và Phan Thị G.

- 01 (một) đĩa DVD màu vàng, nhãn hiệu maxell DVD, trên mặt lưng của đĩa có chữ “120 min.video/4.7GB DATA DVD-R 1-16X SPEED RECORODABLE” màu xanh. Được niêm phong trong phong bì giấy màu cam và dán lại. Bên ngoài có đóng dấu tròn màu đỏ của Công an xã Phú Thuận B và các chữ ký của Nguyễn Văn Thanh N4, Phạm Trung T4, Bùi Tấn L1, Lê Văn Bé C1, có chứa đoạn video ghi lại quá trình lấy trộm cắp tài sản là chiếc tắc rắng và máy nổ của Nguyễn Hùng Tr1 vào ngày 26 tháng 10 năm 2021.

Kết luận định giá tài sản số 39/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hồng Ngự, kết luận: 01 (một) chiếc tắc rắng, loại composite, có chiều dài 6,7 mét, rộng 0,95 mét, màu sơn trắng-xanh-đỏ, hai bên tắc rắng có dòng chữ TPC-KG Composite; phía trước bên mũi tắc rắng có chữ “HT” trắng-đỏ (đã qua sử dụng), mua vào với giá: 4.000.000 đồng; 01 (một) máy nổ (máy xăng) nhãn hiệu Mitsubishi 7.5HP, màu đỏ-đen, máy gắn liền với cần điều khiển bằng kim loại (đã qua sử dụng), mua vào

với giá: 2.100.000 đồng. Hội đồng định giá cùng thống nhất giá tài sản nêu trên tại thời điểm xảy ra vụ việc, trị giá là: 6.100.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 34/KLHĐĐGTS-TTHS, ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hồng Ngự, kết luận: 01 (một) chiếc tắc rắng, loại Composite, có chiều dài 5,4 mét, rộng 0,85 mét, màu sơn xanh, đã qua sử dụng, mua vào với giá: 3.500.000 đồng; 01 (một) máy nổ nhãn hiệu Kawamoto, màu trắng - đen - đỏ (đã qua sử dụng), mua vào với giá: 2.500.000 đồng. Hội đồng định giá cùng thống nhất giá tài sản nêu trên tại thời điểm xảy ra vụ việc, trị giá là: 6.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hùng Tr1 thừa nhận vào đêm 26 tháng 10 năm 2021 trộm cắp tài sản là 01 chiếc tắc rắng (Composite) và máy xăng (gắn trên tắc rắng) của bị hại Lê Văn O đang neo đậu cặp với bè nuôi cá, phù hợp với đoạn video và lời khai bị hại, người làm chứng, cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với tài sản là chiếc tắc rắng (Composite) và máy nổ của Nguyễn Văn N2, bị mất trộm vào ngày 15 tháng 8 năm 2021 thì Nguyễn Hùng Tr1 không thừa nhận lấy trộm.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSHN ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự truy tố bị cáo Nguyễn Hùng Tr1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nguyễn Hùng Tr1 phạm tội 02 lần trở lên, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nguyễn Hùng Tr1 thành khẩn khai báo, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Lê Văn O, bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn N2 và bà Phan Thị G đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường, nên Viện kiểm sát không đề cập đến. Về vật chứng: Đối với 01 (một) đĩa DVD màu vàng, nhãn hiệu maxell DVD, trên mặt lưng của đĩa có chữ “120 min.video/4.7GB DATA DVD-R 1-16X SPEED

RECORODABLE” màu xanh được niêm phong trong phong bì giấy màu cam và dán lại, bên ngoài có đóng dấu tròn màu đỏ của Công an xã Phú Thuận B và chữ của ông Nguyễn Văn Thanh N4, Phạm Trung T4, Bùi Tấn L1, Lê Văn Bé C1, có chứa đoạn video ghi lại quá trình lấy trộm cắp tài sản là chiếc tắc rắng và máy nổ của Tr1 vào ngày 26 tháng 10 năm 2021, nên đề nghị tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án. Buộc Tr1 nộp lại số tiền 1.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc bán tài sản do trộm cắp mà có.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng là số tiền Trần Tr1 T1 mua tắc rắng và máy nổ của Tr1, T1 đã nhận được tổng số tiền là 2.000.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng không yêu Tr1 trả lại, nên không đặt ra xem xét. Số tiền 4.000.000 đồng là số tiền bị hại N2 thỏa thuận với Tr1 khi nhận được chiếc tắc rắng và máy nổ, nhưng Tr1 chưa nhận được tiền, nên không đề cập. Số tiền 500.000 đồng là số tiền Trần Văn H1, sửa chữa máy nổ, nhưng H1 không yêu cầu nhận lại, nên không đặt ra xem xét.

Đối với Võ Văn Tr3 (Tr3 Đ1), Tr1 khai là người cùng với đi trộm cắp tài sản của bị hại On vào đêm 26 tháng 10 năm 2021, chỉ có lời khai của Tr1, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Hiện tại Văn Tr3 không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan cảnh sát điều tra chưa làm việc được khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Đối với Trần Trường T1 (Ba Đ) là người mua tắc rắng và máy nổ của Tr1, cho lại em ruột Trần Văn H1; Lê Phương Tr4 (Tr4 N3) và Nguyễn Hóc M3 là người chứng việc mua bán tài sản giữa Tr1 và T1; Trần Minh Ph1 (người liên lạc với Tr1 để tìm tài sản bị mất trộm cho ông N2); Võ Văn Tr3 (Tr3 Đ1), Chheng S (Trần Thanh O; Trần Thanh N2) là người điều khiển và đi cùng Tr1 đi trao đổi với ông N2 ở xã Phú Thuận B; Nguyễn Văn Hoài T3 và Hồ Văn K là những người cho Trần Trường T1 và Trần Văn H1 gửi chiếc tắc rắng và máy nổ (mua của Tr1), về mặt ý thức những người này, không biết chiếc tắc rắng và máy nổ (tài sản của ông N2) là do Tr1 trộm cắp tài sản, không hưởng lợi từ việc Tr1 trộm cắp tài sản. Nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người nêu trên.

Đối với Phan Thanh Ph2 theo lời khai của Tr1 là người lấy trộm cắp tài sản của bị hại N2 (Tr1 cho rằng Trần Minh Ph1 nói ghi Ph2 lấy trộm) và Ph2 không thừa nhận lấy trộm tắc rắng và máy nổ (chỉ có lời khai của Tr1, không có chứng cứ nào khác) nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đó với Ph2.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của bị hại Lê Văn O và Lê Thị N1 nhưng không thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của bị hại Nguyễn Văn N2 và Phan Thị G, nhưng bị cáo thống nhất với cáo trạng truy tố và bản luận tội, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình vì bị cáo còn 02 con nhỏ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tuy Nguyễn Hùng Tr1 không thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của bị hại Nguyễn Văn N2, nhưng căn cứ lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định Tr1 là người trộm cắp tài sản của ông N2, cụ thể: Sau khi lấy trộm được tài sản của ông N2, Tr1 liên lạc với Lê Phương Tr4 (Tr4 N3) để bán tài sản vừa trộm được. Phương Tr4 và Nguyễn Hóc M3 đến để xem mua tắc ráng và máy nổ, nhưng Tr1 bán với giá 4.000.000 đồng, nên Phương Tr4 không mua và điện thoại cho Trần Trường T1 (Ba Đ), đến mua tắc ráng và T1 mua với giá 3.500.000 đồng và Tr1 thống nhất bán và đã nhận tiền đủ (có sự chứng kiến của Phương Tr4 và Nguyễn Hóc M3). Cùng thời gian trên ông N2 có nhờ Trần Minh Ph1 (người cùng xóm) tìm tài sản bị mất trộm. Sau đó, Ph1 điện thoại cho Tr1 (Tr1 A) nhờ tìm dùm và chuộc lại tài sản. Đến 30 tháng 8 năm 2021, Tr1 điện thoại Trần Văn H1 (là người quản lý tài sản do được T1 là anh ruột cho lại tài sản) với nội dung có người cần chuộc chiếc tắc ráng và máy nổ. Nên H1 đến gặp Tr1 và thống nhất cho ông N2 chuộc lại với giá 4.000.000 đồng với điều kiện là điều khiển phương tiện chiếc tắc ráng qua xã PTB giao cho ông N2 và nhận tiền. H1 giao chiếc tắc ráng và máy nổ cho Tr1 để trao đổi với ông N2, Tr1 đồng ý. Ngày 31 tháng 8 năm 2021, Tr1 rủ thêm Võ Văn Tr3 và Chheng S (Trần Thanh O; Trần Thanh N2) để điều khiển phương tiện chiếc tắc ráng qua xã PTB và nhận tiền như thỏa thuận. Khi đến thủy phận xã Phú Thuận B thì Công an

xã PTB phát hiện mời về làm việc (khi làm việc Tr1 khai tên Nguyễn Tr1 A). Từ đó, có thể nhận thấy rằng chỉ vì muốn có thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không cần phải lao động nên bị cáo đã nảy sinh ý định lén lút đi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, cụ thể: bị cáo lợi dụng sự mất cảnh giác của các bị hại nên đã thực hiện việc lén lút lấy trộm của ông Lê Văn O, bà Lê Thị N1, ông Nguyễn Văn N2 và bà Phan Thị G 02 chiếc tắc rắng và 02 máy nổ, qua định giá là 12.100.000 đồng.

[3] Như vậy, với các tình tiết, chứng cứ của vụ án đã được chứng minh ở trên, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hùng Tr1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cho nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như sau:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”*

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo sợ, thiếu an tâm sản xuất. Bản thân bị cáo có sức khỏe, đáng ra các bị cáo phải tìm cho mình một việc phù hợp, sống bằng chính nguồn thu nhập hợp pháp của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một cách nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có điều kiện răn đe, giáo dục, giúp bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng như bị cáo.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thật thà khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải; xét về nhân thân của bị cáo là thành phần nhân dân lao động. Vì vậy, áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo lúc lượng hình, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, điều kiện kinh tế thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Không phát sinh, nên không đề cập đến.

[10] Về xử lý vật chứng và tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Các vấn đề khác cáo trạng không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng Tr1 phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng Tr1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08 tháng 02 năm 2022.

4. Về xử lý vật chứng và tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:

4.1. Áp dụng khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD màu vàng, nhãn hiệu maxell DVD, trên mặt lưng của đĩa có chữ “120 min.video/4.7GB DATA DVD-R 1-16X SPEED RECORODABLE” màu xanh, được niêm phong trong phong bì giấy màu cam và dán lại, bên ngoài có đóng dấu tròn màu đỏ của Công an xã PTB và chữ của ông Nguyễn Văn Thanh N4, Phạm Trung T4, Bùi Tấn L1, Lê Văn Bé C1.

4.2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo nộp ngân sách Nhà nước 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) từ việc phạm tội mà có.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hùng Tr1 chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 6 năm 2022). Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hồng Ngự;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Lương Bằng**